

Số: 180/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng cho sinh viên hệ chính quy
Khoa Nội thất và Mỹ thuật Công nghiệp học kỳ I năm học 2016 - 2017**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17/9/1969 của Hội Đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ quyết Định số 378/1998/QĐ-BXD-TCLĐ ngày 10/6/1998 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phân cấp, phân công công tác tổ chức quản lý và đào tạo cán bộ của các đơn vị trực thuộc Bộ;

Căn cứ Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGD&ĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quy chế Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 1370/QĐ-ĐHKT-TH ngày 29/12/2015 của trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên học kỳ I năm học 2016 - 2017;

Xét đề nghị của Lãnh đạo Khoa Nội thất và Mỹ thuật Công nghiệp và của Trưởng phòng Chính trị - Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng cho 160 sinh viên Khoa NT&MTCN có thành tích học tập và rèn luyện đạt loại Khá, Giỏi, Xuất sắc trong học kỳ I năm học 2016 - 2017 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Nguồn kinh phí lấy từ Quỹ học bổng khuyến khích học tập để thưởng cho sinh viên với mức thưởng như sau:

+ Sinh viên đạt danh hiệu Khá: 200.000đ/SV;

+ Sinh viên đạt danh hiệu Giỏi: 300.000đ/SV;

+ Sinh viên đạt danh hiệu Xuất sắc: 500.000đ/SV.

+ Tổng tiền thưởng cho 160 sinh viên là: 37,000,000đ (Ba mươi bảy triệu đồng chẵn).

Điều 3. Trưởng phòng Chính trị - Công tác sinh viên, Đào tạo, Tài chính - Kế toán, Lãnh đạo Khoa, Ban cán sự lớp và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng Đào tạo (đưa lên Cổng tin chỉ);
- Website;
- Lưu: VT, CT-CTSV.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS.KTS. *Lê Quân*

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA: NỘI THẤT VÀ MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠT DANH HIỆU: XUẤT SẮC, GIỎI, KHÁ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2016 - 2017



(Kèm theo QĐ 180/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV ngày 21 / 4 / 2017)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	DANH HIỆU THI ĐUA			GHI CHÚ
					X.SẮC	GIỎI	KHÁ	
1	Nguyễn Thị Liên	2012DH	4	87		300.000		
2	Nguyễn Hoàng Mai	2012DH	3.82	82		300.000		
3	Nguyễn Thị Minh Trang	2012DH	3.37	85		300.000		
4	Nguyễn Thị Huệ	2012DH	3.19	77			200.000	
5	Trần Văn Hùng	2012DH	3.19	83			200.000	
6	Nguyễn Thị Ngoan	2012DH	3.19	85			200.000	
7	Chu Bích Ngọc	2012DH	3.19	75			200.000	
8	Nguyễn Văn Thanh	2012DH	3.19	88			200.000	
9	Nguyễn Thanh Hà	2012DH	3.19	87			200.000	
10	Long Thị Ngọc Anh	2012DH	3	82			200.000	
11	Nguyễn Thu Hằng	2012NT	3.37	85		300.000		
12	Nông Thị Ngọc Diễm	2012NT	3.19	82			200.000	
13	Đỗ Thị Ngọc Mai	2012NT	3.19	72			200.000	
14	Nguyễn Tú Hoa	2012NT	3	80			200.000	
15	Phạm Thị Hằng	2012NT	3	75			200.000	
16	Nguyễn Thị Mai	2012NT	3	85			200.000	
17	Nguyễn Vũ Thư Phương	2012NT	3	82			200.000	
18	Đỗ Minh Phương	2012NT	3	75			200.000	
19	Lê Hồng Quân	2012NT	3	82			200.000	
20	Trần Thị Thanh	2012NT	3	77			200.000	
21	Trịnh Quang Thiên	2012NT	3	72			200.000	
22	Vì Thị Thuý Tiên	2012NT	3	85			200.000	
23	Đinh Thị Huyền Trang	2012NT	3	82			200.000	
24	Hoàng Văn Tuệ	2012NT	3	82			200.000	
25	Nguyễn Huy Toàn	2012NT	2.85	77			200.000	
26	Cao Thị Xuân Thủy	2012NT	2.83	68			200.000	
27	Đinh Thị Hằng	2012NT	2.82	82			200.000	
28	Nguyễn Quốc Quân	2012NT	2.82	78			200.000	
29	Nguyễn Minh Thương	2012NT	2.82	82			200.000	
30	Ngô Thị Diệu Phương	2013DH	3.38	78			200.000	
31	Quất Thị Lan Thương	2013DH	3.18	78			200.000	
32	Lê Thị Mỹ Phương	2013DH	3	77			200.000	
33	Đặng Quỳnh Hoa	2013DH	2.95	77			200.000	
34	Trần Phượng Linh	2013DH	2.95	90			200.000	
35	Nguyễn Thị Ngọc	2013DH	2.9	80			200.000	
36	Nguyễn Thị Trà My	2013DH	2.88	77			200.000	
37	Lê Hồng Nhung	2014DH	3.4	85		300.000		
38	Vũ Thị Thủy	2014DH	3.27	85		300.000		
39	Khuất Thị Hải Yến	2014DH	3.14	90			200.000	

40	Nguyễn Thành Nam Thắng	2014DH	3	83			200.000		
41	Vương Thị Hải Yến	2014DH	3	84			200.000		
42	Đào Thị Hà	2014DH	2.87	82			200.000		
43	Trần Thị Thuý	2014DH	2.87	85			200.000		
44	Đỗ Thị Thùy Linh	2014NT	3.58	90		300.000			
45	Lâm Thị Nhật ánh	2014NT	3.5	88		300.000			
46	Nghiêm Thị Thu Trang	2014NT	3.5	87		300.000			
47	Đinh Thị Linh	2014NT	3.48	93		300.000			
48	Nguyễn Thanh Huyền	2014NT	3.37	90		300.000			
49	Lê Hà Linh	2014NT	3.32	98		300.000			
50	Ma Như ý	2014NT	3.16	87			200.000		
51	Chu Diệu Linh	2014NT	3.13	82			200.000		
52	Lê Thị Mai Thu Hà	2014NT	3.05	87			200.000		
53	Dương Thị Khánh Huyền	2014NT	3	85			200.000		
54	Đỗ Phương Thảo	2014NT	3	82			200.000		
55	Đàm Quang Trung	2014NT	3	88			200.000		
56	Lê Thị Trang Vân	2014NT	3	90			200.000		
57	Phạm Thị Thảo Giang	2014NT	2.88	85			200.000		
58	Vũ Thu Hiền	2014NT	2.88	85			200.000		
59	Nguyễn Thị Diệu Linh	2015DH	3.73	92	500.000				
60	Lương Thị Khánh Linh	2015DH	3.57	81		300.000			
61	Phan Thị Thu	2015DH	3.55	90		300.000			
62	Nguyễn Thị Việt Chinh	2015DH	3.45	87		300.000			
63	Trần Thúy Quỳnh	2015DH	3.45	95		300.000			
64	Nguyễn Minh Ngọc	2015DH	3.34	85		300.000			
65	Phan Thanh Thúy	2015DH	3.34	77			200.000		
66	Vũ Văn Trung	2015DH	3.28	82		300.000			
67	Hoàng Thị Ngọc Anh	2015DH	3.25	82		300.000			
68	Trần Thị Minh Thu	2015DH	3.23	82		300.000			
69	Trần Thị Huệ	2015DH	3.23	87		300.000			
70	Nguyễn Thị Diệp	2015DH	3.12	76			200.000		
71	Nguyễn Thị Linh Anh	2015DH	3.06	82			200.000		
72	Trương Bảo Long	2015DH	3.06	90			200.000		
73	Đặng Khánh Ly	2015DH	3.05	82			200.000		
74	Đỗ Thị Hào	2015DH	3	78			200.000		
75	Lê Thị Thùy Trang	2015DH	3	82			200.000		
76	Triệu Thủy Tiên	2015DH	3	90			200.000		
77	Đỗ Thị Hồng Liên	2015DH	3	77			200.000		
78	Vũ Kim Ngân	2015DH	2.95	85			200.000		
79	Hoàng Thị Minh Giang	2015DH	2.95	76			200.000		
80	Nguyễn Kiều My	2015DH	2.89	82			200.000		
81	Nông Hồng Nga	2015DH	2.87	82			200.000		
82	Cao Ngọc Nam	2015DH	2.84	83			200.000		
83	Trần Cao Anh Trang	2015DH	2.8	85			200.000		

84	Nguyễn Thị Hương	2015NT1	3.5	85		300.000		
85	Vũ Thị Hiệu	2015NT1	3.5	90		300.000		
86	Nguyễn Thị Ngọc ánh	2015NT1	3.44	76			200.000	
87	Lê Thị Lan	2015NT1	3.27	77			200.000	
88	Trần Phương Thảo	2015NT1	3.25	77			200.000	
89	Nguyễn Thị Hải Yến	2015NT1	3.24	74			200.000	
90	Lương Bá Long	2015NT1	3.13	85			200.000	
91	Nguyễn Thị Khánh Linh	2015NT1	3.11	80			200.000	
92	Dương Tiến Đạt	2015NT1	3.07	87			200.000	
93	Nguyễn Thị Khuyên	2015NT1	3.07	72			200.000	
94	Hồ Vũ Khánh Huyền	2015NT1	3.07	73			200.000	
95	Nguyễn Thị Vân Anh	2015NT1	3	77			200.000	
96	Phan Thị Thùy Linh	2015NT1	3	82			200.000	
97	Đỗ Đức Mười	2015NT1	3	77			200.000	
98	Nguyễn Thị Kim Oanh	2015NT1	3	82			200.000	
99	Trần Thị Cẩm Tú	2015NT1	3	82			200.000	
100	Hà Khánh Ngân	2015NT1	3	80			200.000	
101	Nguyễn Thanh Hiền	2015NT1	3	77			200.000	
102	Vũ Ngọc Mai Anh	2015NT1	2.94	82			200.000	
103	Võ Tá Nhật	2015NT1	2.82	83			200.000	
104	Nguyễn Thị Thanh Hương	2015NT2	3.44	80		300.000		
105	Nguyễn Hương Quỳnh	2015NT2	3.32	87		300.000		
106	Nguyễn Thị Thùy Trang	2015NT2	3.25	83		300.000		
107	Nguyễn Thị Thúy Hằng	2015NT2	3.13	82			200.000	
108	Bùi Bích Ngọc	2015NT2	3	73			200.000	
109	Nguyễn Thị Hoàn	2015NT2	2.95	75			200.000	
110	Lê Thị Phương Thảo	2015NT2	2.94	78			200.000	
111	Trần Bảo Anh	2015NT2	2.9	82			200.000	
112	Lê Thị út Ngọc	2015NT2	2.87	82			200.000	
113	Nguyễn Quang Sơn Bách	2016DH	3.5	89		300.000		
114	Trương Thị Thắm	2016DH	3.5	85		300.000		
115	Nguyễn Hải Khánh	2016DH	3.25	88		300.000		
116	Đoàn Tiến Dũng	2016DH	3	71			200.000	
117	Bùi Thị Mai Linh	2016DH	3	77			200.000	
118	Trần Chí Linh	2016DH	3	80			200.000	
119	Nguyễn Thị Liên	2016DH	3	75			200.000	
120	Vũ Khánh Ngọc	2016DH	3	73			200.000	
121	Trần Vũ Phương Thảo	2016DH	3	83			200.000	
122	Nguyễn Quang Huy	2016NT2	4	90	500.000			
123	Nguyễn Quang Lâm	2016NT2	3.75	80		300.000		
124	Kiều Thị Thu Trang	2016NT2	3.75	87		300.000		
125	Nguyễn Thị Kim Thoa	2016NT2	3.5	83		300.000		
126	Hoàng Xuân Tùng	2016NT2	3.5	84		300.000		

127	Trần Hồng Hạnh	2016NT1	3.25	77			200.000		
128	Lê Thị Luyện	2016NT2	3.25	82		300.000			
129	Nguyễn Thị Thảo	2016NT1	3.25	90		300.000			
130	Trương Thị Thảo	2016NT2	3.25	82		300.000			
131	Nguyễn Thị Tâm	2016NT1	3.25	87		300.000			
132	Nguyễn Thị Nhật Tâm	2016NT2	3.25	90		300.000			
133	Đỗ Thị Thùy Dung	2016NT2	3	73			200.000		
134	Lê Ngọc Hinh	2016NT2	3	73			200.000		
135	Nguyễn Thu Hiền	2016NT2	3	82			200.000		
136	Nguyễn Thị Hồng Huế	2016NT2	3	77			200.000		
137	Nguyễn Thị Lan Hương	2016NT2	3	79			200.000		
138	Trần Linh Hương	2016NT2	3	69			200.000		
139	Bùi Thị Thúy Hằng	2016NT2	3	74			200.000		
140	Chu Thị Thanh Thơ	2016NT2	3	77			200.000		
141	Phạm Năng Tuấn	2016NT2	3	83			200.000		
142	Nguyễn Thị Trang	2016TT	3.6	79					
143	Ngô Văn Minh Tuấn	2016TT	3.6	87		300.000			
144	Vũ Văn Công	2016TT	3.4	83		300.000			
145	Phạm Thị Ngọc Diệp	2016TT	3.4	79			200.000		
146	Nguyễn Ngọc Linh	2016TT	3.4	79			200.000		
147	Nguyễn Kiều Oanh	2016TT	3.4	79			200.000		
148	Lê Thị Bảo Châu	2016TT	3.2	79					
149	Nguyễn Anh Minh	2016TT	3.2	90		300.000			
150	Nguyễn Hà Phương Oanh	2016TT	3.2	85		300.000			
151	Đặng Hà Trang	2016TT	3.2	88		300.000			
152	Hoàng Danh Tấn	2016TT	3.2	81					
153	Lê Minh Hoàng	2016TT	3	85			200.000		
154	Trịnh Phương Thảo	2016TT	3	73			200.000		
155	Nguyễn Khánh Vân	2016TT	3	78			200.000		
156	Dương Lê Cường	2016TT	2.8	79			200.000		
157	Bùi Thị Vũ Linh	2016TT	2.8	80			200.000		
158	Nguyễn Phương Trang	2016TT	2.8	90			200.000		
159	Vũ Tuấn Đạt	2016DK	3	88			200.000		
160	Trịnh Hương Trà	2016DK	2.8	74			200.000		

- **Tổng số:** 160 sinh viên (trong đó: 02 SV SX, 44 SV- Giỏi; 114 SV- Khá)
- **Tổng tiền:** 37.000.000 đ (Ba mươi bảy triệu đồng).